

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2582/GPMT-UBND Khánh Hòa, ngày ...16... tháng ...9... năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Thực phẩm Sơn Thủy tại Văn bản số 238/ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của “Nhà máy chế biến Thực phẩm Sơn Thủy” tại Lô CN22-06, KCN Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 325./TTr-STNMT-CCBVMT ngày 29 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Thực phẩm Sơn Thủy, địa chỉ tại Lô CN22-06, KCN Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chế biến Thực phẩm Sơn Thủy với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Nhà máy chế biến Thực phẩm Sơn Thủy.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại Lô CN22-06, KCN Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên Mã số doanh nghiệp: 4201793973, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 4201793973.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến, bảo quản thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư: công suất dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1616046848 do Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong chứng nhận lần đầu ngày 10/10/2018 cụ thể như sau:

TT	Mặt hàng/ sản phẩm	Công suất thiết kế
1.	Cá ngừ hấp	1000 tấn sản phẩm/năm
2.	Cá chẻm file đông lạnh, cá ngừ, cá hồi đông lạnh và cá các loại khác	3000 tấn sản phẩm/năm
3.	Tôm đông lạnh	800 tấn sản phẩm/năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thực phẩm Sơn Thủy được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm Sơn Thủy có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm

không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, UBND thị xã Ninh Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Quyết định số 11/QĐ-KKT ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

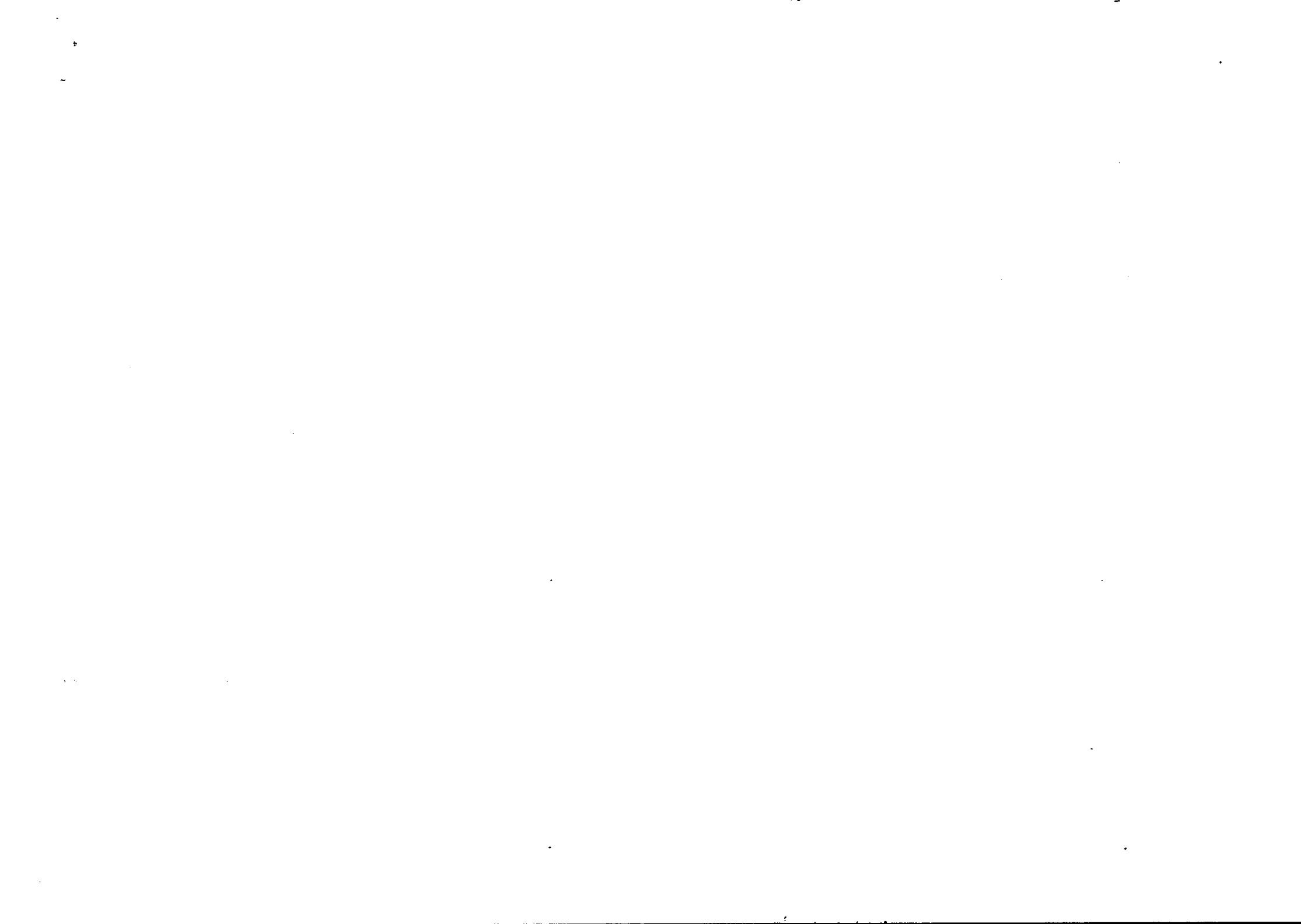
Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận (VBĐT):

- Công ty TNHH Thực phẩm Sơn Thủy;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL KKT Vân Phong;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Thủy;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP +T.L.



Nguyễn Anh Tuấn



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2522/GPMT-UBND ngày 16. tháng 9..... năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh phục vụ cho cán bộ công nhân viên.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (gồm: nước rửa sàn nhà, nước vệ sinh giày ủng của công nhân, nước từ khu vực tiếp nhận nguyên liệu...).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Ninh Thủy (hố ga GT6T trên đường số 16).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°):

STT	Vị trí	X (m)	Y (m)
1	Vị trí cửa xả vào Hố ga GT6T trên đường số 16	1383515	0606328

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $350 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24h/ngày đêm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn đầu nối theo hợp đồng dịch vụ thoát nước thải với Công ty Cổ phần Hoàn Cầu Vân Phong, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần
2	BOD5	mg/L	50	
3	COD	mg/L	150	
4	TSS	mg/L	100	
5	Amoni	mg/L	10	
6	Tổng N	mg/L	40	
7	Tổng P	mg/L	6	
8	Tổng dầu mỡ	mg/L	10	
9	Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ mỗi khu nhà vệ sinh của của cán bộ nhân viên nhà máy được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải sau khi lắng tại bể tự hoại sẽ được dẫn qua hệ thống thoát nước bằng ống PVC có đường kính D220 đến hố thu tập trung với nước thải sản xuất (gồm: nước rửa sàn nhà, nước vệ sinh giày ủng của công nhân, nước từ khu vực tiếp nhận nguyên liệu...); sau đó, nước thải tiếp tục được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy có công suất thiết kế là 350 m³/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối Khu công nghiệp Ninh Thủy trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải tập trung của Khu công nghiệp Ninh Thủy tại hố ga GT6T trên đường số 16. Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được thu gom về bể chứa bùn, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Lưới lọc rác → Bể thu gom - Bể tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể kỵ khí (UASB) → Bể Anoxic → Bể Aerotank 1 → bể Aerotank 2 → Bể lắng đứng → Bể cân bằng → Bể cân bằng (Keo tụ - Tạo bông) → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Ninh Thủy.

- Công suất thiết kế: 350 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ca(OCl)₂ độ tinh khiết > 60% (45kg/tháng), PAC (25kg/tháng), NaOH (25kg/tháng), Polimer (25kg/tháng).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Khi công trình hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố ngừng hoạt động sẽ nhanh chóng khắc phục ngay, các bể xử lý tại các công đoạn đều được tính toán dự phòng. Do vậy khi hệ thống gặp sự cố nước thải được chứa tạm thời tại các bể xử lý. Khi khắc phục xong sẽ bơm ngược lại để xử lý đạt Quy chuẩn trước khi đầu nối ra hệ thống thoát nước chung.

Tuyển nhân viên có kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra.

Thường xuyên kiểm tra các thiết bị và vận hành hệ thống đúng quy trình.

Khi hệ thống xử lý nước thải có sự cố, lãnh đạo công ty sẽ nhanh chóng chỉ đạo để tìm ra nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời.

Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động của chúng.

Trường hợp mất điện lưới: Khi điện lưới mất, lập tức máy phát điện dự phòng phục vụ quá trình xử lý sẽ vận hành bình thường.

Trường hợp các bơm nước thải bể gom, bể lọc sinh học hiếu khí & bể chứa nước sau xử lý không hoạt động: Trong các bể này được lắp 02 bơm nước thải (làm việc luân phiên). Vì vậy khi 01 trong số các bơm trong 02 bể trên xảy ra sự cố thì bơm còn lại vẫn hoạt động bình thường để đáp ứng yêu cầu công nghệ. Bơm gặp sự cố sẽ đưa đi bảo hành, sửa chữa.

Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì còn lại sẽ lại việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa. Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho các hạng mục bể xử lý sinh học hiếu khí và bơm nước trong từ bể chứa bùn ... lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được khống chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

Trong trường hợp không thể sửa chữa sớm các hư hỏng xảy ra tại trạm xử lý nước thải, thông báo cho các cơ quan chức năng để được hướng dẫn phương án xử lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...2542/GPMT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh: Bóng đèn huỳnh quang hỏng (16 01 06), dầu nhớt thải (17 02 03), giẻ lau dính dầu (18 02 01) và các loại pin, acquy thải (16 01 06). Khối lượng khoảng 140 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Phế phẩm thủy sản, phế liệu từ công đoạn dò kim loại, bao bì PE, thùng xốp. Khối lượng phát sinh khoảng 1.700 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 225 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa: 6m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Có mái che, có thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Từng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường được lưu chứa trong thùng riêng biệt, có nắp đậy kín.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 25 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Được chứa trong các thùng phi có nắp đậy của đơn vị thu gom (10 thùng 20 lít). Phế phẩm này được thu gom định kỳ trong ngày và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo quy định, không lưu trữ qua ngày tại nhà máy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa rác có nắp đậy riêng biệt tại các khu vực văn phòng làm việc và khu nhà phục vụ công nhân.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt bằng nhựa có thể tích 120 lít có nắp đậy và đặt tại khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

Chất thải sinh hoạt sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý (UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, UBND thị xã Ninh Hòa) trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG: Không.

